

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2016

Tháng 3 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	902	933	31	12.870	398.970	
102	8	888	909	21	12.870	270.270	
103	6	650	666	16	12.870	205.920	
104	8	597	605	8	12.870	102.960	
105	8	545	556	11	12.870	141.570	
106	8	503	508	5	12.870	64.350	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	774	793	19	12.870	244.530	
110	6	364	372	8	12.870	102.960	
111	8	527	528	1	12.870	12.870	
112	8	828	837	9	12.870	115.830	
113	6	636	647	11	12.870	141.570	
114	6	616	629	13	12.870	167.310	
201	7	762	773	11	12.870	141.570	
202	8	570	589	19	12.870	244.530	
203	7	1.308	1.314	6	12.870	77.220	
204	8	770	776	6	12.870	77.220	
205	8	18	34	16	12.870	205.920	
206	8	860	882	22	12.870	283.140	
207	8	1.216	1.242	26	12.870	334.620	
208	8	933	947	14	12.870	180.180	
209	8	1.121	1.139	18	12.870	231.660	
210	8	1.099	1.110	11	12.870	141.570	
211	8	1.369	1.382	13	12.870	167.310	
212	8	866	877	11	12.870	141.570	
213	8	917	924	7	12.870	90.090	
214	8	931	943	12	12.870	154.440	
301	7	859	867	8	12.870	102.960	
302	8	922	934	12	12.870	154.440	
303	8	1.062	1.065	3	12.870	38.610	
304	8	785	798	13	12.870	167.310	
305	7	797	815	18	12.870	231.660	
306	8	960	974	14	12.870	180.180	
307	PSHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	8	792	805	13	12.870	167.310	
310	8	802	812	10	12.870	128.700	

311	8	715	725	10	12.870	128.700	
312	8	734	745	11	12.870	141.570	
313	8	739	745	6	12.870	77.220	
314	0	877	885	8	12.870	102.960	
401	8	839	850	11	12.870	141.570	
402	8	765	774	9	12.870	115.830	
403	8	893	902	9	12.870	115.830	
404	8	744	756	12	12.870	154.440	
405	8	476	487	11	12.870	141.570	
406	8	599	599	0	12.870	0	
407	8	694	718	24	12.870	308.880	
408	8	723	730	7	12.870	90.090	
409	8	477	483	6	12.870	77.220	
410	8	598	609	11	12.870	141.570	
411	7	568	581	13	12.870	167.310	
412	7	497	506	9	12.870	115.830	
413	7	693	717	24	12.870	308.880	
414	8	453	461	8	12.870	102.960	
501	7	609	622	13	12.870	167.310	
502	8	454	465	11	12.870	141.570	
503	5	421	429	8	12.870	102.960	
504	6	444	445	1	12.870	12.870	
505	7	471	481	10	12.870	128.700	
506	6	471	480	9	12.870	115.830	
507	8	344	354	10	12.870	128.700	
508	8	329	343	14	12.870	180.180	
509	7	543	555	12	12.870	154.440	
510	8	304	311	7	12.870	90.090	
511	6	371	385	14	12.870	180.180	
512	6	400	400	0	12.870	0	
513	7	342	352	10	12.870	128.700	
514	5	489	497	8	12.870	102.960	
Cộng	487			752		9.678.240	

(Bằng chữ: Chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà